**GIÁ FOB CÀ PHÊ CHÈ ĐẶC SẢN**

(Nguồn: 2019 Specialty Coffee Transaction Guide, 12/2019)

(Trịnh Đức Minh lược dịch)

Giá cà phê thương mại tiếp tục hạ xuống mức thấp chưa từng thấy trong lịch sử, các nhà lãnh đạo trong chuỗi cung ứng đề cập nhu cầu cần phải tách biệt giá tham chiếu cho cà phê đặc sản với giá tham chiếu từ thị trường hàng hóa.

Các nhà nghiên cứu ở Đại học Emory đã sử dụng thông tin ẩn danh và xử lý phù hợp để xây dựng bản ***Hướng dẫn giao dịch hàng năm***, thống kê sự phân bố của giá FOB cà phê nhân đặc sản Arabica.

Bản hướng dẫn giao dịch năm 2019 thu thập số liệu từ 57 đơn vị cung cấp ở 17 quốc gia, bao gồm những hợp đồng giao dịch từ tháng 10/2016 đến tháng 9/2019 (3 niên vụ), với tổng số 38.000 hợp đồng, khối lượng hơn 655 triệu pounds cà phê nhân đặc sản trị giá 1,4 tỷ USD.

Giá trong bản hướng dẫn này là USD/pounds (1 pounds = 0,4536 kg).

Các nhận xét chính trong bản hướng dẫn như sau:

1. **Giá FOB**

* Giá trung bình cà phê nhân đặc sản là 2,80 USD/pounds qua 3 niên vụ.
* Trong khi giá trung bình ổn định thì 5% số hợp đồng phía giá thấp giảm 0,29 USD, từ 1,55 USD niên vụ 2016/17 xuống còn 1,26 USD niên vụ 2018/19.
* Trong từng niên vụ, khoảng chênh lệch giá cà phê đặc sản là lớn. Ví dụ, niên vụ 2018/19 khoảng chênh lệch giá của 90% hợp đồng nằm giữa là 4,54 USD (từ 1,26 USD đến 5,80 USD).

1. **Giá FOB theo chất lượng**

* Cà phê có điểm chất lượng cao được trả giá cao hơn. Ví dụ niêm vụ 2018/19 giá trung bình của cà phê 86 – 87,9 điểm (3,53 USD), cao gần gấp 2 lần cà phê 82 – 83,9 điểm (1,83 USD).
* Với cà phê chất lượng thấp thì giá của những hợp đồng nằm phía giá thấp bị giảm xuống qua 3 niên vụ. Ví dụ, giá của 5% hợp đồng điểm 82 – 83,9 giảm 0,34 USD (từ 1,45 USD niên vụ 2016/2017 xuống còn 1,11 USD niên vụ 2018/19). Cà phê có điểm trừ 80 – 81,9 điểm cũng giảm giá tương tự, 5% hợp đồng phía giá thấp giảm 0,29 USD (từ 1,30 USD xuống 1,01 USD).

1. **Giá FOB theo chất lượng và theo khối lượng lô hàng**

* Với điểm chất lượng cao nhất thì có ít hợp đồng mua lô hàng lớn. Với điểm chất lượng nhỏ nhất, có ít hợp đồng mua lô hàng nhỏ.
* Niên vụ 2018/19, giá trung bình của những lô hàng “bình thường” – tức là những lô > 4.000 pounds điểm từ 80 – 83,9 (1,60 USD) và 10.001 đến 40.000 pounds điểm 80 – 81,9 (1,58 USD) – thì nhìn chung tương đương với giá tối thiểu của cà phê Fairtrade đối với cà phê hàng hóa, nghĩa là 1,40 USD cộng với 0,20 USD giá cộng xã hội.
* Niên vụ 2018/19 giá trung bình của những hợp đồng chiếm số lượng nhiều nhất - là các lô khối lượng nhỏ nhất với điểm 86 – 87,9 - là 4,40 USD.
* Qua 3 niên vụ, trong phạm vi từng khối lượng lô hàng và chất lượng thì độ dốc của giá thì tương đương nhau. Ví dụ, giá FOB trung bình ở lô 3.001 – 10.000 pounds tăng từ 1,65 USD lên 3,59 USD khi số điểm tăng từ 80 – 81,9 điểm lên > 88 điểm.
* Giá FOB trung bình của cà phê điểm 85 – 85,9 tăng từ 2,45 USD lên 3,36 USD khi khối lượng lô hàng giảm từ > 4.000 pounds xuống < 1.000 pounds.

1. **Thay đổi giá FOB theo năm**

Trong thời kỳ giá cà phê hàng hóa có xu hướng đi xuống rất rõ thì giá trung bình của các hợp đồng trong bản Hướng dẫn này ổn định hơn nhiều.

1. **Giá FOB theo vùng và theo quốc gia**

* Giá FOB trung bình cao nhất với cà phê Châu Phi (3,23 USD) và thấp nhất là với cà phê Nam Mỹ (2,65 USD). Tuy nhiên, điểm trung bình của chất lượng cũng như khối lượng lô hàng cũng khác nhau theo vùng.
* Cũng có khác nhau đáng kể về giá, chất lượng và khối lượng lô hàng giữa các quốc gia ở từng vùng trồng. Cà phê trồng ở Kenya có giá trị trung bình cao nhất (4,48 USD), đó cũng là cà phê có điểm chất lượng trung bình cao nhất và khối lượng trung bình của lô hàng thấp nhất. Phía dưới cùng của phổ giá thấp là cà phê trồng ở Brazil có điểm chất lượng khá thấp và khối lượng lô hàng khá lớn.